

Số 94 /BC-UBND

Cầu Kè, ngày 07 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác
cải cách hành chính quý I năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Công văn số 228/SNV-TCBCTCPCP ngày 22/02/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh về việc quy định nội dung, thời gian báo cáo cải cách hành chính định kỳ;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2023 về cải cách hành chính huyện năm 2023, đồng thời, triển khai đến các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ các nội dung Kế hoạch cải cách hành chính của huyện năm 2023, xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đạt được một số kết quả, như sau:

+ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiểm tra công vụ năm 2023 trên địa bàn huyện Cầu Kè.

+ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Cầu Kè.

+ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt danh sách công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Cầu Kè năm 2023.

+ Công văn số 20/UBND-TH ngày 07/02/2023 về việc khắc phục những hạn chế trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính.

+ Công văn số 17/UBND-TH ngày 02/02/2023 về việc tăng cường sử dụng hệ thống Dịch vụ công tỉnh iGate.

- Kết quả, quý I năm 2023 huyện đã hoàn thành 06/32 chỉ tiêu nhiệm vụ của kế hoạch Cải cách hành chính năm 2023, đạt 18,75%.

- Công tác thông tin, tuyên truyền thực hiện các hoạt động về công tác cải cách hành chính được quan tâm và đẩy mạnh triển khai thực hiện, đạt kết quả như sau:

+ Căn cứ kế hoạch phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân huyện, trong quý I năm 2023, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện đã chỉ đạo phóng viên bám sát cơ sở viết được hơn 96 tin, bài phản ánh kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, ban ngành huyện và các xã, thị trấn, đồng thời xây dựng 39 lượt chuyên mục pháp luật giới thiệu các văn bản có liên quan đến cải cách thủ tục hành chính cho cán bộ và người dân thông hiểu vận dụng vào đời sống.

+ Các cơ quan, đơn vị và xã, thị trấn cùng phối hợp quán triệt, tuyên truyền các văn bản và các hoạt động có liên quan công tác cải cách hành chính thông qua các cuộc sinh hoạt chi, tổ hội, thông qua các cuộc họp, lồng ghép với các Hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật. Kết quả, tuyên truyền được 32 cuộc, có 1.013 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người dân tham dự.

+ Ban Biên tập Trang thông tin điện tử huyện tiếp tục cập nhật, đăng tải các tin, bài và các văn bản có liên quan về công tác cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của huyện để cán bộ, công chức, viên chức cũng như cá nhân, tổ chức và người dân thuận tiện trong việc tra cứu, tìm hiểu.

- Đẩy mạnh và tiếp tục duy trì việc tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân, tổ chức và cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và dịch vụ bưu chính công ích khi đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện và các xã, thị trấn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Trong quý I năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện không có xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành 03 văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về cải cách thể chế, như:

+ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt danh sách công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Cầu Kè năm 2023.

+ Công văn số 20/UBND-TH ngày 07/02/2023 về việc khắc phục những hạn chế trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính.

+ Công văn số 17/UBND-TH ngày 02/02/2023 về việc tăng cường sử dụng hệ thống Dịch vụ công tỉnh iGate.

- Thường xuyên rà soát, theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn. Trong quý I năm 2023, không có phát hiện trường hợp đề xuất xử lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Cầu Kè.

- Các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thường xuyên rà soát, cập nhật và niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của huyện đã tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời, thực hiện giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính. Hầu hết, các thủ tục hành chính được niêm yết đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định các nội dung, đặt tại nơi dễ tiếp cận; quy trình giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, hướng tới sự hài lòng của người dân, tổ chức khi đến giao dịch. Đến nay, tổng số thủ tục hành chính (TTHC) được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện là 411 TTHC (*trong đó, cấp huyện: 267 TTHC; cấp xã: 144 TTHC*).

+ Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia là 294 thủ tục.

+ Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia là 172 thủ tục.

+ Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC được công bố theo quy định là 411/411 thủ tục, đạt 100%.

- Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông là 14/411 thủ tục, chiếm tỷ lệ 3,4% (trong đó: liên thông cùng cấp 11 thủ tục; liên thông giữa các cấp chính quyền 03 thủ tục).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (số liệu tính từ 05/01/2023 đến 05/3/2023):

+ Tiếp nhận giải quyết 11.198 hồ sơ (*cấp huyện 535 hồ sơ, cấp xã 10.663 hồ sơ*).

+ Kết quả giải quyết và trả kết quả huyện: 535 hồ sơ (*trong đó, giải quyết đúng hạn: 535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; đang giải quyết chưa đến hạn 00 hồ sơ*).

+ Kết quả giải quyết và trả kết quả cấp xã: 10.663 hồ sơ (*trong đó, giải quyết đúng hạn: 10.657 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,94; đang giải quyết chưa đến hạn 06 hồ sơ*).

- Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tiếp nhận 386 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 386 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức bộ máy. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, cụ thể:

+ Thành lập Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

+ Thực hiện Công văn số 293/SNV-CCVC ngày 28/02/2023 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và xác định cơ cấu ngạch công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Nội vụ hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Cải cách chế độ công vụ

Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực đã được phê duyệt; thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo quy định. Trong trong quý I năm 2023, bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp; bổ nhiệm có thời hạn 13 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính luôn được lãnh đạo cơ quan, đơn vị quan tâm, luôn nêu cao tính gương mẫu của người đứng đầu; triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức chấp hành và thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và thái độ phục vụ nhân dân, không để xảy ra tình trạng những nhieu, tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong công tác, tổ chức tiếp công dân và thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức đúng quy định. Kết quả, nhìn chung cán bộ, công chức, viên chức luôn nỗ lực và nhiệt tình trong công việc, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo cơ quan, đơn vị phân công; không đùn đẩy, né tránh nhiệm vụ; có thái độ giao tiếp, ứng xử phù hợp; trong tiếp xúc,

giải quyết công việc liên quan đến cá nhân, tổ chức đều tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn, giải thích cho cá nhân, tổ chức; đối với đồng nghiệp đều đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tuân thủ, phục tùng sự phân công công việc của lãnh đạo; có lối sống trung thực, giản dị, gương mẫu; có ý thức tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trang phục gọn gàng, lịch sự, phù hợp với tính chất công việc; tình trạng hút thuốc lá tại nơi công sở được hạn chế; không còn tình trạng uống rượu, bia trong giờ làm việc; chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, nội quy của cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số công chức, viên chức chấp hành chưa nghiêm giờ giấc hành chính; việc hút thuốc lá tại nơi công sở của một số cơ quan, đơn vị vẫn còn xảy ra; việc đeo thẻ công chức khi thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức chưa thường xuyên.

Tiếp tục quan tâm và tạo điều kiện thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học tham gia các lớp nâng chuẩn để thực hiện đạt các chỉ tiêu đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức huyện Cầu Kè năm 2023. Trong quý I năm 2023, Lập danh sách cử 02 cán bộ huyện dự bồi dưỡng lãnh đạo cấp huyện; 67 công chức viên chức tham gia lớp tập huấn nhập hồ sơ cán bộ công chức viên chức; 01 công chức xã đăng ký nhu cầu đào tạo văn bằng 2.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương:

Thực hiện thu ngân sách nhà nước theo dự toán được giao: Thu ngân sách Q1/2023 (tính đến ngày 06/3/2023): 100,731 tỷ đồng, đạt 20,52% so với dự toán tỉnh giao 490,873 tỷ đồng (trong đó thu nội địa 9,258 tỷ đồng, đạt 18,7% so dự toán tỉnh giao 49,5 tỷ đồng).

- Chi ngân sách địa phương Q1/2023 (tính đến ngày 06/3/2023): 119,470 tỷ đồng, đạt 24,52 tỷ đồng so với dự toán tỉnh giao 487,273 tỷ đồng (trong đó, chi cân đối 87,455 tỷ đồng, đạt 19,96% so dự toán 438,140 tỷ đồng).

- Thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Giải ngân vốn đầu tư công theo dự toán tỉnh giao (tính đến ngày 06/3/2023) 23,590/40,600 tỷ đồng, đạt 58,10%.

b) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

Căn cứ vào biên chế và kinh phí quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao biên chế và kinh phí quản lý hành

chính cho các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được Ủy ban nhân dân huyện giao, định mức phân bổ kinh phí được tính trên biên chế và các khoản chi hoạt động sự nghiệp đặc thù theo chế độ quy định.

Các cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn, được thống nhất trong Hội nghị cán bộ, công chức, nhằm cụ thể hóa các chi tiêu theo định mức làm căn cứ cho thủ trưởng đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời, thực hiện kiểm soát chi tiêu trong nội bộ đảm bảo công khai dân chủ, thống nhất chung định mức chi công tác phí, văn phòng phẩm, sử dụng điện thoại, điện, nước, ...

Đến nay, toàn huyện có 28 cơ quan, đơn vị (11 xã, thị trấn, 17 cơ quan ban, ngành huyện) thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

Nhìn chung, việc xây dựng và triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ tiếp tục được các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt, với mục đích sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn kinh phí, tự chủ về kinh phí, đảm bảo hiệu quả trong quá trình hoạt động. Công tác cải cách tài chính công được thực hiện với tinh thần chủ động và ý thức trách nhiệm cao nhằm tiết kiệm được chi phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, giai đoạn 2022 - 2030.

Triển khai, phổ biến Thông tư số 16/2021/TT-BTTTT ngày 29/10/2021 về việc bãi bỏ một số văn bản quy định do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử; Thông tư số 22/2021/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 13/12/2021 về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác. Tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin, giai đoạn 2021-2025” và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin, giai đoạn 2021 - 2025”. Triển khai

thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 30/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện vận hành Hệ thống họp trực tuyến 3 cấp. Trong quý I năm 2023, đã tổ chức 00 cuộc họp trực tuyến với các xã, thị trấn; thực hiện kết nối họp trực tuyến tỉnh - huyện được 05 cuộc; kết nối họp trực tuyến với tỉnh - huyện - xã được 00 cuộc; kết nối trung ương - tỉnh - huyện - xã 00 cuộc.

Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành giữa UBND huyện với UBND tỉnh và giữa UBND huyện với UBND các xã, thị trấn và việc vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh, cấp huyện và các xã, thị trấn đã kết nối liên thông với Hệ thống, đạt tỷ lệ 100%.

Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (*Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử*), đạt tỷ lệ 90%; văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy, đạt tỷ lệ 10%.

Triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2022. Tiếp tục duy trì và cải tiến các quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC đúng tiêu chuẩn chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại 11/13 cơ quan chuyên môn (*02 cơ quan không có TTHC*) và 11/11 xã, thị trấn, với 411 quy trình.

Thực hiện cung cấp thông tin cơ bản theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang tin điện tử, công bố công khai ngân sách, thủ tục hành chính... lên trang thông tin điện tử kịp thời, đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Huyện ủy, sự hỗ trợ, hướng dẫn của Sở Nội vụ, cùng với sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện có sự chuyển biến tích cực.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện về công tác cải cách hành chính.

- Việc xây dựng, triển khai và phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hoạt động có hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát và cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính theo quyết định công bố của tỉnh.

- Việc công khai niêm yết các thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định đã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và người dân đến liên hệ làm việc cũng như việc kiểm tra, giám sát.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, chấp hành tốt đạo đức công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính được đẩy mạnh, giúp giải quyết công việc được nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả.

- Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ tiếp nhận, giải quyết; được các cá nhân, tổ chức và người dân dân quan tâm thực hiện; nhiều hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trước hạn.

2. Hạn chế

- Việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính một số cơ quan, đơn vị chưa sâu, chưa bám vào yêu cầu của đề cương báo cáo và nội dung kế hoạch.

- Sự tham gia của cá nhân, tổ chức và người dân đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn hạn chế.

- Chưa có hồ sơ phát sinh giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tại các cơ quan, đơn vị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

Qua kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2023, huyện đưa ra phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính thực hiện trong II năm 2023, như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đưa tin chuyên mục về cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền việc thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và dịch vụ bưu chính công ích.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản theo sự chỉ đạo của cấp trên.

3. Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ- CP của Chính phủ.

4. Thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tại Bộ phận

tiếp nhận và trả kết quả huyện và các xã, thị trấn. Tiếp tục quan tâm đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác.

5. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Quan tâm cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ theo nhu cầu.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước; thực hiện chữ ký số, thực hiện quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính. Duy trì việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

7. Tiếp tục triển khai, hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong II năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- Công an huyện;
- BCH Quân sự huyện;
- VP đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh chi nhánh huyện Cầu Kè;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT. *hưng*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Điêu Hùng Thắng

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ*(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của UBND huyện)***Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	05	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	18,75%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	06	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 0; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 0 Kết hợp = 0		
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 0		



Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	411	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	267	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	144	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	11	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	3	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	535	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	535	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	10.663	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	10.663	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	



Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	00	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		02	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	02	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	90	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	90	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	90	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	172	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	172	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	11.198	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	11	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	0	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		

